

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.889.458.350	211.962.147.853
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.128.342.716	35.014.114.420
1. Tiền	111		32.128.342.716	31.014.114.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.339.163.961	129.128.290.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	51.005.471.927	37.611.340.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.659.545.208	3.644.110.472
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	38.000.000.000	85.434.885.472
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.183.376.158	3.872.398.239
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.509.229.332)	(1.434.444.123)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		29.287.149.010	46.390.526.961
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.304.035.272	47.576.783.622
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.016.886.262)	(1.186.256.661)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.134.802.663	1.429.215.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.442.732.333	1.105.156.162
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.761.516	99.940.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	659.308.814	224.119.084
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bàu Hiến, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206.397.226.672	112.357.049.363
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		99.210.000.000	14.210.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	99.000.000.000	14.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	210.000.000	210.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		81.292.703.344	81.919.448.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	80.744.668.051	80.946.765.261
- Nguyên giá	222		161.304.853.736	151.420.941.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.560.185.685)	(70.474.176.419)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	548.035.293	972.683.090
- Nguyên giá	228		1.856.034.720	2.489.556.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.307.999.427)	(1.516.872.910)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.426.025.605	11.365.754.050
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.426.025.605	11.365.754.050
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.468.497.723	4.861.846.962
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.303.928.548	4.778.608.512
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	164.569.175	83.238.450
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		382.286.685.022	324.319.197.216

030
CỔ
CỔ
ÔNG T
H PH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bàu Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		115.217.723.751	170.464.154.417
I. Nợ ngắn hạn	310		51.552.803.751	91.608.694.417
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.126.346.293	14.286.008.482
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10.520.960.886	9.855.844.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.724.589.075	3.573.282.269
4. Phải trả người lao động	314	V.16	11.155.752.457	10.780.834.007
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.543.740.205	7.713.696.328
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.857.138.777	1.535.903.240
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a, c	2.499.910.608	43.738.760.152
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	124.365.450	124.365.450
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		63.664.920.000	78.855.460.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b, c	63.664.920.000	78.855.460.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

071

NG
PH
ẠCH

3 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.068.961.271	153.855.042.799
I. Vốn chủ sở hữu	410		267.068.961.271	153.855.042.799
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	196.000.000.000	98.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.000.000.000	98.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	24.811.850.000	25.160.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	9.474.344.616	9.474.344.616
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	36.782.766.655	21.220.698.183
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15.801.938.076	378.971.718
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.980.828.579	20.841.726.465
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		382.286.685.022	324.319.197.216



Thiều Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV-2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	87.681.784.093	80.377.262.109	309.087.248.076	248.527.251.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.385.582.540	5.394.319.029	23.981.490.607	19.035.955.773
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.296.201.553	74.982.943.080	285.105.757.469	229.491.295.879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	45.450.351.228	45.294.742.312	161.583.776.782	130.967.073.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.845.850.325	29.688.200.768	123.521.980.687	98.524.222.336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.121.804.505	3.251.191.020	15.616.817.259	13.829.774.723
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.179.976.918	3.831.699.872	12.896.544.518	14.794.773.356
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.349.716.918	2.369.709.332	10.859.319.518	11.354.886.887
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	23.945.439.041	17.978.174.947	74.474.192.833	49.275.061.510
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.524.657.054	8.259.780.423	30.796.469.630	28.694.897.959
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.317.581.817	2.869.736.546	20.971.590.965	19.589.264.234
12. Thu nhập khác	31	VI.8	278.827.172	64.733.593	1.045.708.819	6.201.332.089
13. Chi phí khác	32	VI.9	196.028.999	662.522	1.311.001.340	517.664.228
14. Lợi nhuận khác	40		82.798.173	64.071.071	(265.292.521)	5.683.667.861
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.400.379.990	2.933.807.617	20.706.298.444	25.272.932.095
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	667.201.756	586.761.523	4.046.995.543	4.237.833.403
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	-	-	-	193.372.223
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.733.178.234	2.347.046.093	16.659.302.901	20.841.726.465
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.733.178.234	2.347.046.093	16.659.302.901	20.841.726.465
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		0	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	139	239	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026


Thiều Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng/Người lập


Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV-2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.706.298.444	25.272.932.095
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	12.456.844.448	10.913.413.720
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	1.050.593.237	2.296.361.553
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V1.5	-	2.769.960.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V1.4	-	(13.824.734.723)
- Chi phí lãi vay	06	V1.5	-	11.354.886.887
- Các khoản điều chỉnh khác	07		1.127.284.868	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.341.020.997	38.782.819.532
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.426.055.612)	(11.490.008.404)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.668.340.463	(5.507.244.270)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.810.893.788	104.196.965
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.513.675.220)	539.492.580
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	-	(13.045.868.643)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	-	(3.008.043.314)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.880.524.416	6.375.344.446
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, 9, 11, 13	(12.948.889.979)	(23.369.775.738)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.140.818.180	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(217.500.000.000)	(56.944.572.673)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		150.285.424.851	80.973.150.224
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	6.530.986.300	14.837.517.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(72.491.660.648)	15.496.319.283

3007
CÔNG
CỔ P
BẠC
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		98.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.100.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a, b	128.392.667.205	143.813.812.450
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a, b	(185.844.322.702)	(139.172.733.063)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.821.879.975)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.725.364.528	4.641.079.387
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.885.771.704)	26.512.743.116
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.014.114.420	8.501.371.304
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.128.342.716	35.014.114.420

Thiều Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

156
3 T
HÀ
HT
10

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bàu Hiến, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng; sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tập đoàn chuyển hình thức kinh doanh từ hợp tác bán hàng qua các kênh phân phối là chủ yếu thành bán hàng trực tuyến thông qua các sàn thương mại điện tử. Do đó doanh thu trong năm tăng mạnh.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Công ty con được hợp nhất

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton có trụ sở chính tại số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là buôn bán các loại băng, gạc y tế, trang thiết bị y tế, các loại bông y tế, dược phẩm, dụng cụ y tế, khẩu trang y tế, xà phòng, chất tẩy rửa, chất làm bóng và các chế phẩm vệ sinh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5b. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy sản xuất – Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Số 110, Đường Hai Bà Trưng, Khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 280 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 240 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 92 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 54 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc và thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	01 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt

7155
CÔNG TY
PHÂN
CHÍNH
TỔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

0300
CỔ
CỔ
NG B
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

155
GTY
HÁM
CHT
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	182.085.007	496.647.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.946.257.709	30.517.466.798
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	4.000.000.000
Cộng	32.128.342.716	35.014.114.420

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (là bên liên quan)	6.868.357	11.396.945
Công ty TNHH Thiết bị Y tế EMC	1.889.564.836	1.616.435.628
Cửa hàng Trang thiết bị Y tế Tuyết Trang	4.890.000.000	3.294.186.376
Công ty Cổ phần Brian Việt Nam	5.170.418.303	4.917.350.156
Công ty Cổ phần Hasaki Beauty Clinic	-	3.853.891.377
Khách hàng Shopee	6.420.363.215	3.035.842.994
Khách hàng Tiktok	1.249.814.226	-
Các khách hàng khác ⁽¹⁾	31.378.442.990	20.882.237.150



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	51.005.471.927		37.611.340.626	
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty TNHH Vật tư và Trang thiết bị Y tế Hạnh Phú	123.988.752	-	323.091.000	-
Fine Exports	42.900.513	-	2.104.956.000	-
Công ty TNHH Shopee	-	-	698.451.200	-
Các nhà cung cấp khác	6.492.655.943	-	517.612.272	-
Cộng	6.659.545.208	-	3.644.110.472	-
4. Phải thu về cho vay				
4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Cho Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (là bên liên quan) vay	-	-	74.000.000.000	-
Cho Công ty TNHH Venus HCMC vay	15.000.000.000	-	-	-
Cho Ông Phạm Hoàng Minh Vương vay ⁽ⁱ⁾	-	-	7.569.419.293	-
Cho Bà Phạm Ly Ly vay ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	3.865.466.179	-
Cho Bà Phạm Thị Hồng vay	8.000.000.000	-	-	-
Cho công ty TNHH Việt Tín Phước vay	15.000.000.000	-	-	-
Cộng	38.000.000.000	-	85.434.885.472	-
⁽ⁱ⁾	Khoản cho vay với lãi suất 13,5%/năm, được đảm bảo bằng việc cầm cố cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Cơ (mã chứng khoán "EME" đang niêm yết tại sàn UPCoM) đã được tất toán gốc lãi.			
⁽ⁱⁱ⁾	Khoản cho vay với lãi suất 13,5%/năm, được đảm bảo bằng việc cầm cố cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Cơ (mã chứng khoán "EME" đang niêm yết tại sàn UPCoM) đã được tất toán gốc lãi.			
4b. Phải thu về cho vay dài hạn				
	Cho Công ty Cổ phần May da Sài Gòn vay không có tài sản đảm bảo với lãi suất 13%/năm, thời hạn 24 tháng.			
5. Phải thu khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (là bên liên quan) - lãi cho vay phải thu	-	-	2.526.630.137	-
Tạm ứng cho nhân viên	541.516.941	-	360.323.518	-
Lãi dự thu tiền cho vay	941.095.892	-	361.555.448	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	68.310.441	-	207.828.637	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	632.452.884	-	416.060.499	-
Cộng	2.183.376.158	-	3.872.398.239	-
5b. Phải thu dài hạn khác				
	Khoản ký quỹ thuê kho dài hạn.			
6. Nợ xấu				
	Thời điểm quý công ty chưa ghi nhận nợ xấu, sẽ trình bày trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm.			

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.571.899.099	(815.105.194)	34.292.204.541	(327.125.893)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	630.699.170	-	815.975.287	-
Thành phẩm	9.314.713.802	(201.781.068)	9.026.941.416	(859.130.768)
Hàng hóa	786.723.201	-	205.995.883	-
Hàng gửi đi bán	-	-	3.235.666.495	-
Cộng	30.304.035.272	(1.016.886.262)	47.576.783.622	(1.186.256.661)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.186.256.661	92.622.685
Trích/hoàn trích lập dự phòng bổ sung	169.370.399	1.093.633.976
Số cuối năm	1.016.886.262	1.186.256.661

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	285.869.327
Chi phí bảo hiểm	228.981.719	6.916.966
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.213.750.614	812.369.869
Cộng	2.442.732.333	1.105.156.162

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ⁽¹⁾	3.455.513.131	3.455.513.131
Công cụ, dụng cụ	-	514.987.824
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	848.415.421	808.107.557
Cộng	4.303.928.548	4.778.608.512

⁽¹⁾ Tiền thuê đất trả trước của các lô đất B52-53-54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	45.686.762.232	96.627.111.314	7.450.552.330	1.253.718.103	402.797.701	151.420.941.680
Mua trong năm	1.880.773.200	10.922.116.779	-	-	-	12.802.889.979
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Sửa chữa lớn	-	146.000.000	-	-	-	146.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	2.888.923.963	-	176.053.960	-	3.064.977.923
Số cuối năm	47.567.535.432	104.806.304.130	7.450.552.330	1.077.664.143	402.797.701	161.304.853.736
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.083.685.821	19.986.251.886	1.635.467.617	1.037.477.191	402.797.701	28.145.680.216
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	21.787.270.015	42.914.107.872	4.296.253.260	1.073.747.571	402.797.701	70.474.176.419
Khấu hao trong năm	2.769.924.589	8.618.457.456	717.241.257	30.648.039	3.205.680	12.139.477.021
Thanh lý, nhượng bán		1.877.413.795		176.053.960		2.053.467.755
Số cuối năm	24.557.194.604	49.655.151.533	5.013.494.517	928.341.650	406.003.381	80.560.185.685
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	23.899.492.217	53.713.003.442	3.154.299.070	179.970.532	-	80.946.765.261
Số cuối năm	23.010.340.828	55.151.152.597	2.437.057.813	149.322.493	(3.205.680)	80.744.668.051
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Hỷ Lạc Textile	-	3.843.454.020
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Như Mẫn	5.401.857.537	3.173.151.506
Các nhà cung cấp khác	7.724.488.756	7.269.402.956
Cộng	13.126.346.293	14.286.008.482

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	14.328.320.303	
Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khách hàng khác	1.520.960.885	855.844.489
Cộng	24.849.281.188	9.855.844.489

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp sẽ được tổng hợp và trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.625.671.384	1.401.424.754
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.918.068.821	6.312.271.574
Cộng	<u>9.543.740.205</u>	<u>7.713.696.328</u>

18. Phải trả khác

Các khoản phải trả khác sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay ngắn hạn sẽ được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	-	16.000.000.000
Vay Financing for Healthier Lives, DAC ⁽ⁱⁱ⁾	64.887.420.000	62.855.460.000
Cộng	<u>64.887.420.000</u>	<u>78.855.460.000</u>

⁽ⁱ⁾ Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai đã được tất toán khoản vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Financing for Healthier Lives, DAC để đáp ứng nhu cầu của đơn vị liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ y tế theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, với lãi suất hàng năm là LIBOR 6 tháng tính theo Đô la Mỹ cộng với 5,8%/năm, thời hạn vay 05 năm. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch thanh toán cụ thể, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 9 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty với các tài sản dưới đây cho dù đang hoặc sẽ thuộc quyền sở hữu và tồn tại của Công ty với giá trị mua trước thuế được ghi nhận tại Hợp đồng và thực tế thanh toán có giá trị tính bằng tiền VND tương đương 2,460,000.00 USD theo tỷ giá ngày tại giải ngân:

- Toàn bộ tài sản mua mới và các quyền, sở hữu, lợi ích với tài sản mua mới;
- Tất cả quyền, quyền sở hữu và lợi ích liên quan Hợp đồng mua tài sản;
- Khoản trả trước;
- Tất cả tài sản bổ sung hàng năm và tất cả các quyền, sở hữu, lợi ích với các tài sản bổ sung hàng năm;
- Tất cả quyền, lợi ích, khoản bồi thường và thanh toán khác nhận được hoặc phải trả thay cho, hoặc gắn liền với, hoặc liên quan đến, và tất cả tài sản thuộc mọi bản chất và mô tả được đưa ra trao đổi, thay thế hoặc thay cho bất kỳ, các quyền và tài sản trên.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản vay này được đảm bảo bởi:

- Một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy sản xuất B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.9).
- Bảo lãnh thanh toán từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (xem thuyết minh số VII.1b).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	64.887.420.000	4.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trên 01 năm đến 05 năm	-	78.855.460.000
Cộng	64.887.420.000	82.855.460.000

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động.

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	39.892.790.000	39.892.790.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	9.338.000.000	9.338.000.000
Các cổ đông khác	146.769.210.000	48.769.210.000
Cộng	196.000.000.000	98.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.600.000	9.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.600.000	9.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.600.000	9.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.600.000	9.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.600.000	9.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tạm ứng, phải thu khác không rõ đối tượng	-	2.200.718.672
Phải thu khách hàng không rõ đối tượng	-	1.134.256.732
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	162.595.984
Cộng	-	3.497.571.388

Các khoản công nợ trên được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	309.087.248.076	248.291.970.121
Doanh thu cung cấp dịch vụ	227.604.031	235.281.531
Cộng	<u>309.314.852.107</u>	<u>248.527.251.652</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	20.814.820.161	17.075.078.714
Hàng bán bị trả lại	3.166.670.446	1.960.877.059
Cộng	<u>23.981.490.607</u>	<u>19.035.955.773</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	161.583.776.782	130.967.073.543
Cộng	<u>161.583.776.782</u>	<u>130.967.073.543</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	105.408.881	24.184.423
Lãi cho vay	15.511.408.378	13.800.550.300
Lãi tiền bán chứng khoán	-	-
Cổ tức được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	5.040.000
Doanh thu tài chính khác	-	-
Cộng	<u>15.616.817.259</u>	<u>13.829.774.723</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.859.319.518	11.354.886.887
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	-
Lỗ bán chứng khoán	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.031.960.000	669.926.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.265.000	2.769.960.000
Cộng	<u>12.896.544.518</u>	<u>14.794.773.356</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.103.759.538	9.985.481.758
Chi Phí Marketing	3.295.419.782	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	357.851.480	50.158.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	916.435.058	892.323.908
Chi phí dịch vụ thương mại điện tử	48.825.042.984	21.270.406.852

0071
CÔNG
CỔ PHẦN
BÔNG BẠCH
TUYẾT
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.995.620.044	13.386.258.224
Các chi phí khác	7.416.803.465	3.690.432.740
Cộng	<u>74.910.932.351</u>	<u>49.275.061.510</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20.282.715.102	S
Chi phí đồ dùng văn phòng	775.538.194	191.666.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.307.778.994	1.406.706.019
Thuế, phí và lệ phí	982.493.410	782.526.381
Dự phòng phải thu khó đòi	391.525.730	1.202.727.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.761.196	2.573.987.277
Các chi phí khác	6.393.657.004	3.794.110.322
Cộng	<u>30.796.469.630</u>	<u>28.694.897.959</u>

8. Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác.

9. Chi phí khác

Các khoản chi phí khác.

10. Lãi trên cổ phiếu

Trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát chưa ghi nhận tại thời điểm lập báo cáo.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

5584
 TY
 IÁN
 /TUYẾT
 Ồ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sài Gòn 3 Group	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	Công ty con của Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần May đa Sài Gòn	Công ty con của Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Sài Gòn 3 Jean	Công ty con của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết của Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	Công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
Quỹ Đầu tư Thành Công	Công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Giao dịch với các bên liên quan khác sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital cam kết đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tuyệt đối, vô điều kiện và không hủy ngang cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn với Financing for Healthier Lives, DAC.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh các loại băng, gạc y tế, bông y tế, khẩu trang y tế, tấm bông và các sản phẩm khác từ bông băng. Các sản phẩm của Tập đoàn không có sự khác biệt về rủi ro và chủ yếu được tiêu thụ tại Việt Nam. Doanh thu từ việc kinh doanh các sản phẩm này chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thiều Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As of 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Closing balance	Opening balance
A - CURRENT ASSETS	100		175.889.458.350	211.962.147.853
I. Cash and cash equivalents	110		32.128.342.716	35.014.114.420
1. Cash	111		32.128.342.716	31.014.114.420
2. Cash equivalents	112		-	4.000.000.000
II. Short-term investments	120		15.000.000.000	-
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for devaluation of securities trading	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		15.000.000.000	-
III. Short-term receivables	130		96.339.163.961	129.128.290.686
1. Short-term trade receivables	131		51.005.471.927	37.611.340.626
2. Short-term prepayments to suppliers	132		6.659.545.208	3.644.110.472
3. Short-term inter-company receivable	133		-	-
4. Receivable according to the progress of construction contract	134		-	-
5. Short-term loans receivable	135		38.000.000.000	85.434.885.472
6. Other short-term receivables	136		2.183.376.158	3.872.398.239
7. Allowance for short-term doubtful debts	137		(1.509.229.332)	(1.434.444.123)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		29.287.149.010	46.390.526.961
1. Inventories	141		30.304.035.272	47.576.783.622
2. Allowance for inventories	149		(1.016.886.262)	(1.186.256.661)
V. Other current assets	150		3.134.802.663	1.429.215.786
1. Short-term prepaid expenses	151		2.442.732.333	1.105.156.162
2. Deductible VAT	152		32.761.516	99.940.540
3. Taxes and other accounts receivable from the State	153		659.308.814	224.119.084
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-



BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Combined/Consolidated Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Closing balance	Opening balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		206.397.226.672	112.357.049.363
I. Long-term receivables	210		99.210.000.000	14.210.000.000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayment to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivable	214		-	-
5. Long-term loans receivable	215		99.000.000.000	14.000.000.000
6. Other long-term receivable	216		210.000.000	210.000.000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		81.292.703.344	81.919.448.351
1. Tangible fixed assets	221		80.744.668.051	80.946.765.261
- Historical cost	222		161.304.853.736	151.420.941.680
- Accumulated depreciation	223		(80.560.185.685)	(70.474.176.419)
2. Financial leased assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227		548.035.293	972.683.090
- Initial cost	228		1.856.034.720	2.489.556.000
- Accumulated amortization	229		(1.307.999.427)	(1.516.872.910)
III. Investment property	230		-	-
- Historical costs	231		-	-
- Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in process	240		21.426.025.605	11.365.754.050
1. Long-term work-in-process	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		21.426.025.605	11.365.754.050
V. Long-term investments	250		-	-
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252		-	-
3. Investments in other entities	253		-	-
4. Provisions for devaluation of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		4.468.497.723	4.861.846.962
1. Long-term prepaid expenses	261		4.303.928.548	4.778.608.512
2. Deferred income tax assets	262		164.569.175	83.238.450
3. Long-term components and spare parts and accessories	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		382.286.685.022	324.319.197.216

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Combined/Consolidated Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Closing balance	Opening balance
C - LIABILITIES	300		115.217.723.751	170.464.154.417
I. Current liabilities	310		51.552.803.751	91.608.694.417
1. Short-term trade payables	311		13.126.346.293	14.286.008.482
2. Short-term advances from customers	312		10.520.960.886	9.855.844.489
3. Taxes and other obligations payable to State Budget	313		2.724.589.075	3.573.282.269
4. Payables to employees	314		11.155.752.457	10.780.834.007
5. Short-term accrued expenses	315		9.543.740.205	7.713.696.328
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payable according to the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319		1.857.138.777	1.535.903.240
10. Short-term borrowings and financial leases	320		2.499.910.608	43.738.760.152
11. Provisions for short-term payables	321		124.365.450	124.365.450
12. Bonus and welfare funds	322		-	-
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Long-term liabilities	330		63.664.920.000	78.855.460.000
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term prepayment from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for operating capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowing and financial leases	338		63.664.920.000	78.855.460.000
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax payable	341		-	-
12. Provisions for long-term payables	342		-	-
13. Science and technology development funds	343		-	-

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Combined/Consolidated Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Closing balance	Opening balance
D - OWNER'S EQUITY	400		267.068.961.271	153.855.042.799
I. Owner's equity	410		267.068.961.271	153.855.042.799
1. Capital	411		196.000.000.000	98.000.000.000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		196.000.000.000	98.000.000.000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		-	25.160.000.000
3. Bond conversion option	413		24.811.850.000	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury stocks	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		-	9.474.344.616
9. Business arrangement supporting fund	419		9.474.344.616	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		36.782.766.655	21.220.698.183
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		15.801.938.076	378.971.718
- Retained earnings of the current period	421b		20.980.828.579	20.841.726.465
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Benefits of non-controlling shareholders	429		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		382.286.685.022	324.319.197.216



Thieu Thi Cam Tu
Chief Accountant

Ho Chi Minh, 30 January 2026



Nguyen Khanh Linh
General Director

CONSOLIDATED STATEMENT OF PROFIT OR LOSS FOR THE FOURTH QUARTER OF 2025

For the financial year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current quarter (Current year)	Current quarter (Prior year)	Year-to-date (Current year)	Year-to-date (Prior year)
1. Sales	01		87.681.784.093	80.377.262.109	309.087.248.076	248.527.251.652
2. Sales deductions	02		7.385.582.540	5.394.319.029	23.981.490.607	19.035.955.773
3. Net sales	10		80.296.201.553	74.982.943.080	285.105.757.469	229.491.295.879
4. Cost of sales	11		45.450.351.228	45.294.742.312	161.583.776.782	130.967.073.543
5. Gross profit	20		34.845.850.325	29.688.200.768	123.521.980.687	98.524.222.336
6. Financial income	21		4.121.804.505	3.251.191.020	15.616.817.259	13.829.774.723
7. Financial expenses	22		2.179.976.918	3.831.699.872	12.896.544.518	14.794.773.356
In which: Loan interest expenses	23		2.349.716.918	2.369.709.332	10.859.319.518	11.354.886.887
8. Gain/(loss) in joint ventures and associates	24		-	-	-	-
8. Selling expenses	25		23.945.439.041	17.978.174.947	74.474.192.833	49.275.061.510
9. General and administration expenses	26		9.524.657.054	8.259.780.423	30.796.469.630	28.694.897.959
10. Net operating profit	30		3.317.581.817	2.869.736.546	20.971.590.965	19.589.264.234
11. Other income	31		278.827.172	64.733.593	1.045.708.819	6.201.332.089
12. Other expenses	32		196.028.999	662.522	1.311.001.340	517.664.228
13. Other profit	40		82.798.173	64.071.071	(265.292.521)	5.683.667.861
14. Total accounting profit before tax	50		3.400.379.990	2.933.807.617	20.706.298.444	25.272.932.095
15. Current income tax	51		667.201.756	586.761.523	4.046.895.513	4.237.833.403
16. Deferred income tax	52		-	-	-	193.372.227
17. Profit after tax	60		<u>2.733.178.234</u>	<u>2.347.046.093</u>	<u>16.659.302.931</u>	<u>20.841.726.465</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>2.733.178.234</u>	<u>2.347.046.093</u>	<u>16.659.302.931</u>	<u>20.841.726.465</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		0	-	-	-
18. Earning per share	70		<u>139</u>	<u>239</u>	-	-
19. Diluted earning per share	71		-	-	-	-



Thien Thi Cam Tu
Chief Accountant



Ho Chi Minh, 30 January 2026

Nguyen Khanh Linh
General Director

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

STATEMENT OF CASH FLOWS FOR THE FOURTH QUARTER OF 2025

(Using the indirect method)

As at the end of 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Year-to-date (Current year)	Year-to-date (Prior year)
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		20.706.298.444	25.272.932.095
2. Adjustments				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		12.456.844.448	10.913.413.720
- Provisions	03		1.050.593.237	2.296.361.553
- Gain/ (loss) from exchange difference due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	2.769.960.000
- Gain/ (loss) from investing activities	05		-	(13.824.734.723)
- Interest expenses	06		-	11.354.886.887
- Other adjustments	07		1.127.284.868	-
3. Operating profit before changes of working capital	08		35.341.020.997	38.782.819.532
- Increase/(decrease) of receivables	09		(15.426.055.612)	(11.490.008.404)
- Increase/(decrease) of inventories	10		12.668.340.463	(5.507.244.270)
- Increase/(decrease) of payables	11		2.810.893.788	104.196.965
- Increase/ (decrease) of prepaid expenses	12		(1.513.675.220)	539.492.580
- Increase/(decrease) of securities trading	13		-	-
- Interests paid	14		-	(13.045.868.643)
- Corporate income tax paid	15		-	(3.008.043.314)
- Other cash inflows	16		-	-
- Other cash outflows	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		33.880.524.416	6.375.344.446
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(12.948.889.979)	(23.369.775.738)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		1.140.818.180	-
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23		(217.500.000.000)	(56.944.572.673)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		150.285.424.851	80.973.150.224
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interest earned, dividends and profits received	27		6.530.986.300	14.837.517.470
Net cash flows from investing activities	30		(72.491.660.648)	15.496.319.283

BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Combined/Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Year-to-date (Current year)	Year-to-date (Prior year)
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		98.000.000.000	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		(1.100.000)	-
3. Receivables from borrowings	33		128.392.667.205	143.813.812.450
4. Repayment for loan principal	34		(185.844.322.702)	(139.172.733.063)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profit paid to the owners	36		(4.821.879.975)	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		35.725.364.528	4.641.079.387
Net cash flows during the period	50		(2.885.771.704)	26.512.743.116
Beginning cash and cash equivalents	60		35.014.114.420	8.501.371.304
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70		32.128.342.716	35.014.114.420



Thieu Thi Cam Tu
Chief Accountant

Ho Chi Minh, 30 January 2026



Nguyen Khanh Linh
General Director

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Bach Tuyet Cotton Corporation (hereinafter referred to as “the Corporation”) is a joint stock company.

2. Operating fields

The Corporation’s operating fields are manufacturing and trading.

3. Principal business activities

Principal business activities of the Corporation are to manufacture and trade all kinds of medical cotton, sanitary napkins and other products from cotton; to manufacture masks, disposable masks and medical masks.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Corporation is within 12 months.

5. Effects of the Corporation’s operation during the year on the Financial Statements

The Corporation changed its business model from primarily cooperative sales through distribution channels to online sales via e-commerce platforms (through Bach Tuyet Cotton Company Limited – a subsidiary). As a result, the current year saw a strong growth in the Corporation’s revenue.

6. Structure of the Corporation

Subsidiary

The Corporation only invests in its subsidiary which is Bach Tuyet Cotton Company Limited, located at No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City. Principal business activity of this subsidiary is to trade all kinds of medical bandage, medical gauze, medical equipment, medical cotton, pharmaceuticals, medical instruments, medical masks, soap, detergents, polishes and sanitary products. As of the balance sheet date, the Corporation’s capital contribution rate at this subsidiary is 100%, equivalent to voting rate and benefit rate.

Affiliates which are not legal entities and cannot do accounting works independently

Affiliates	Address
Manufacturing Factory – Bach Tuyet Cotton Corporation	B52-B54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City
Representative Office – Bach Tuyet Cotton Corporation	No. 110, Hai Ba Trung Street, Quarter 3, Trang Bom Town, Trang Bom District, Dong Nai Province

7. Statement of information comparability on the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year can be comparable with figures of the current year.

8. Headcount

As of the balance sheet date, the Corporation’s headcount is 279 (headcount at the beginning of the year: 240).

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Corporation is from 01 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because the Corporation's transactions are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Corporation applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in preparation and presentation of the Financial Statements.

2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in preparation and presentation of the Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Accounting convention

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

2. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arisen from foreign currency transactions during the year shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as at the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For receivables: the buying rate ruling as at the time of transaction of the commercial bank where the Corporation designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as at the time of transaction of the commercial bank where the Corporation supposes to make payments.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payable accounts): the buying rate of the commercial bank where the Corporation makes payments.

The exchange rates used to re-evaluate the ending balances of monetary items in foreign currencies are determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits: the buying rate of the bank where the Corporation opens its foreign currency account.

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

- For monetary items in foreign currencies classified as other assets: the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), where the Corporation frequently conducts transactions.
- For monetary items in foreign currencies classified as liabilities: the selling rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), where the Corporation frequently conducts transactions.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Loans

Loans are measured at costs less allowance for doubtful debts. Allowance for doubtful debts of loans is made on the basis of estimated losses.

Investments in subsidiary

Subsidiary is an entity that is controlled by the Corporation. Control is the Corporation's power to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities.

Initial recognition

Investments in subsidiary are initially recognized at costs, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. In case of investment in non-monetary assets, the costs of the investment are recognized at the fair value of non-monetary assets at the arising time.

Provisions for impairment of investments in subsidiary

Provisions for impairment of investments in subsidiary are made when the subsidiary suffers from losses at the rate equal to the difference between the actual capital invested by investors in subsidiary and the actual owner's equity multiplying (x) by the Corporation's ownership rate of actual charter capital invested by the Corporation in subsidiary. If the subsidiary is consolidated into Consolidated Financial Statements, the basis for impairment provisions is the Consolidated Financial Statements.

Increases/(decreases) in the provisions for impairment of investments in subsidiary as of the balance sheet date are recorded into financial expenses.

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Corporation and customers who are independent to the Corporation.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt on the basis of the ages of debts after offsetting against liabilities (if any) or estimated loss as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts overdue between 6 months and less than 1 year.
 - 50% of the value of debts overdue between 1 year and less than 2 years.
 - 70% of the value of debts overdue between 2 years and less than 3 years.

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

- 100% of the value of debts overdue more than 3 years.
- As for doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/(decreases) in the obligatory allowance for doubtful debts as of the balance sheet date are recorded into general and administration expenses

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost or net realizable value.

Cost of inventories is determined as follows:

- For materials and merchandise: Costs comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.
- Work-in-process: Costs comprise costs of main materials, labor and other directly relevant costs.
- For finished goods: Costs comprise costs of materials, direct labor and directly relevant general manufacturing expenses allocated on the basis of normal operations.

Stock-out costs are determined in accordance with the weighted average method and recorded in line with the perpetual method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for devaluation of inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable values. Increases/(decreases) in the obligatory allowance for devaluation of inventories as of the balance sheet date are recorded into costs of sales.

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Corporation mainly include land rental, expenses of tools and expenses of fixed asset repairs. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or period in which corresponding benefits are realized.

Land rental

Prepaid land rental reflects the rental prepaid for the land being used by the Corporation and is allocated into costs in accordance with the straight-line method over the lease term (i.e. 50 years).

Expenses of tools

Expenses of tools being put into use are allocated into costs in accordance with the straight-line method for the maximum period of 92 months.

Expenses of fixed asset repairs

Expenses of fixed asset repairs incurred once with high value are allocated into costs in accordance with the straight-line method for the maximum period of 54 months.

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Corporation to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation period applied is as follows:

<u>Fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	03 - 50
Machinery and equipment	02 - 15
Vehicles	05 - 15
Office equipment	01 - 08
Other tangible fixed assets	01 - 05

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their initial costs less accumulated amortization.

The Corporation's intangible fixed asset includes computer software. Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Corporation until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 5 years.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its initial costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

10. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant loan interest expenses following the accounting policies of the Corporation) directly attributable to assets under construction, machinery and equipment under installation for purposes of production, leasing and management as well as the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at historical costs and not depreciated.

11. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Corporation, including payables for import through entrustment.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

The payables and accrued expenses are classified as short-term and long-term items in the Balance Sheet on the basis of their remaining term as of the balance sheet date.

12. Provisions for severance allowances

The Corporation has to pay for severance allowances to the employees who have worked regularly for the Corporation for 12 months or more for the period in which employees do not pay for unemployment insurance when they terminate the labor contracts. Provisions for severance allowances are appropriated at the rate equal to $\frac{1}{2}$ of the average salary plus the salary allowances (if any) in the most recent 6 consecutive months to the date of preparing the Financial Statements for each working year.

155
G TY
H AN
H TU
O CH

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

Increases/(decreases) of provisions for severance allowances are appropriated at the balance sheet date and recorded in general and administration expenses.

13. Owner's equity

Owner's capital

The contributed capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

Share premiums

Share premiums are recorded in accordance with the difference between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date. Expenses directly related to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

14. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Corporation as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made with consideration toward non-cash items in the retained earnings that may affect cash flows and payment of dividends such as profit due to revaluation of assets contributed as investment capital, profit due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

15. Recognition of revenue and income

Revenue from sales of merchandise, finished goods

Revenue from sales of merchandise, finished goods shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Corporation transfers most of risks and benefits incident to the ownership of merchandise, products to customers.
- The Corporation retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandise, products sold.
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contracts stipulate that buyers have the right to return merchandise, products purchased under specific conditions, the revenue is recorded only when those specific conditions are no longer exist and buyers retains no right to return merchandise, products (except for the case that such returns are in exchange for other merchandise or services).
- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with sale transactions.
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

Revenue from provisions of services

Revenue from provisions of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services provided.
- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with the provision of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of revenue is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividends and profit received

Dividends and profit received are recognized when the Corporation has the right to receive dividends or profit from the capital contribution. Particularly, the dividends paid in form of shares are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

16. Revenue deductions

Revenue deductions include trade discounts, sales returns incurred in the same period of providing products, merchandise, services, in which revenue is derecognized.

In case of products, merchandise, services provided in the previous years but trade discounts, sales returns incurred in the current year, revenue is derecognized as follows:

- If trade discounts, sales returns incur prior to the release of the Financial Statements, revenue is derecognized on the Financial Statements of the current year.
- If trade discounts, sales returns incur after the release of the Financial Statements, revenue is derecognized on the Financial Statements of the following year.

17. Borrowing costs

Borrowing costs are interest and other costs that the Corporation directly incurs in connection with the borrowing.

Borrowing costs are recorded as an expense when it is incurred. In case the borrowing costs are directly attributable to the construction or the production of an asset in progress, which takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be included in the cost of that asset. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing cost is eligible for capitalization even if construction period is under 12 months. Incomes arisen from provisional investments as loans are recognized as a decrease in the costs of relevant assets.

In the event that general borrowings are partly used for the acquisition, construction or production of an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined by applying the capitalization rate to average accumulated expenditure on construction or production of that asset. The capitalization rate is computed at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.

18. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

19. Corporate income tax

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

Current income tax

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the Financial Statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough taxable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough taxable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the Income Statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Corporation shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities if:

- The Corporation has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
 - Of the same subject to corporate income tax; or
 - The Corporation has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

20. Related parties

A party is considered a related party of the Corporation in case that party is able to control the Corporation or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Corporation. A party is also considered a related party of the Corporation in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

21. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Corporation that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Corporation that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that

3007
CÔNG
CỐ P
G BAC
YỒ H

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applicable to the preparation and presentation of the Financial Statements of the Corporation.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	182.085.007	496.647.622
Demand deposits in banks	31.946.257.709	30.517.466.798
Bank deposits of which the principal maturity is from 3 months or less	4.000.000.000	4.000.000.000
Total	<u>32.128.342.716</u>	<u>35.014.114.420</u>

2. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (là bên liên quan)	6.868.357	11.396.945
Công ty TNHH Thiết bị Y tế EMC	1.889.564.836	1.616.435.628
Cửa hàng Trang thiết bị Y tế Tuyết Trang	4.890.000.000	3.294.186.376
Công ty Cổ phần Brian Việt Nam	5.170.418.303	4.917.350.156
Công ty Cổ phần Hasaki Beauty Clinic	-	3.853.891.377
Khách hàng Shopee	6.420.363.215	3.035.842.994
Khách hàng Tiktok	1.249.814.226	-
Các khách hàng khác ⁽ⁱ⁾	31.378.442.990	20.882.237.150
Total	<u>51.005.471.927</u>	<u>37.611.340.626</u>

3. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Hanh Phu Medical Equipment and Products Company Limited	123.988.752	323.091.000
Fine Exports	42.900.513	2.104.956.000
Other suppliers	6.492.655.943	1.216.063.472
Total	<u>6.659.545.208</u>	<u>3.644.110.472</u>

4. Receivables for loans**4a. Receivables for short-term loans**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Loan to Saigon Leather Joint Stock Company (a related party) ⁽ⁱ⁾	-	74.000.000.000
Loan to Venus HCMC Company Limited	15.000.000.000	-
Loan to Mr. Pham Hoang Minh Vuong ⁽ⁱⁱ⁾	-	7.569.419.293
Loan to Ms. Pham Ly Ly ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	3.865.466.179
Loan to Ms. Pham Thi Hong	8.000.000.000	-
Loan to Viet Tin Phuoc Company Limited	15.000.000.000	-

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Total	38.000.000.000	85.434.885.472

- (ii) The loan bearing an interest rate of 13.5% per annum, secured by a pledge of shares of Dien Co Joint Stock Company (stock code "EME", listed on the UPCoM), has been fully settled, including both principal and interest.
- (iii) The loan bearing an interest rate of 13.5% per annum, secured by a pledge of shares of Dien Co Joint Stock Company (stock code "EME", listed on the UPCoM), has been fully settled, including both principal and interest.

4b. Receivables for long-term loans

This item loan to Saigon Leather Garment Joint Stock Company at an interest rate of 13% per annum, with a tenor of 24 months.

5. Other receivables**5a. Other short-term receivables**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Saigon Leather Joint Stock Company - receivables for loan interest	-	-	2.526.630.137	-
Bach Tuyet Cotton Company Limited – support for staff	541.516.941	-	360.323.518	-
Loan interest	941.095.892	-	361.555.448	-
Advance	68.310.441	-	207.828.637	-
Other short-term receivables	632.452.884	-	416.060.499	-
Total	2.183.376.158	-	3.872.398.239	-

5b. Other long-term receivables

This item reflects the long-term deposits for leasing warehouses.

6. Doubtful debts

At the reporting date, the Company has not recognised any bad debts. Such information will be presented in the audited annual financial statements.

7. Inventories

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Original costs	Allowance	Original costs	Allowance
Materials and supplies	19.571.899.099	(815.105.194)	34.292.204.541	(327.125.893)
Work-in-process	630.699.170	-	815.975.287	-
Finished goods	9.314.713.802	(201.781.068)	9.026.941.416	(859.130.768)
Merchandise	786.723.201	-	205.995.883	-
Goods on consignment	-	-	3.235.666.495	-
Total	30.304.035.272	(1.016.886.262)	47.576.783.622	(1.186.256.661)

Changes in allowances for devaluation of inventories are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	1.186.256.661	92.622.685
Additional/reversal allowances	169.370.399	1.093.633.976

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Ending balance	<u>1.016.886.262</u>	<u>1.186.256.661</u>

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses of tools	-	285.869.327
Insurance premiums	228.981.719	6.916.966
Expenses of fixed asset repairs	2.213.750.614	812.369.869
Total	<u>2.442.732.333</u>	<u>1.105.156.162</u>

8b. Long-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Land rental ⁽ⁱ⁾	3.455.513.131	3.455.513.131
Expenses of tools	-	514.987.824
Expenses of fixed asset repairs	848.415.421	808.107.557
Total	<u>4.303.928.548</u>	<u>4.778.608.512</u>

(i) This is the prepaid rental for the land lots B52-53-54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City under the use-right of the Corporation. The right to use these land lots has been mortgaged to secure the Corporation's loan from VietinBank – Ho Chi Minh City Branch.

9. Tangible fixed assets

	<u>Buildings and structures</u>	<u>Machinery and equipment</u>	<u>Vehicles</u>	<u>Office equipment</u>	<u>Other tangible fixed assets</u>	<u>Total</u>
Historical costs						
Beginning balance	45.686.762.232	96.627.111.314	7.450.552.330	1.253.718.103	402.797.701	151.420.941.680
Acquisition during the year	1.880.773.200	10.922.116.779	-	-	-	12.802.889.979
Completed constructions	-	-	-	-	-	-
Major repairs and overhaul	-	146.000.000	-	-	-	146.000.000
Disposal and sale	-	2.888.923.963	-	176.053.960	-	3.064.977.923
Ending balance	<u>47.567.535.432</u>	<u>104.806.304.130</u>	<u>7.450.552.330</u>	<u>1.077.664.143</u>	<u>402.797.701</u>	<u>161.304.853.736</u>
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	5.083.685.821	19.986.251.886	1.635.467.617	1.037.477.191	402.797.701	28.145.680.216
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
Depreciation						
Beginning balance	21.787.270.015	42.914.107.872	4.296.253.260	1.073.747.571	402.797.701	70.474.176.419
Depreciation during the year	2.769.924.589	8.618.457.456	717.241.257	30.648.039	3.205.680	12.139.477.021
Disposal and sale	-	1.877.413.795	-	176.053.960	-	2.053.467.755
Ending balance	<u>24.557.194.604</u>	<u>49.655.151.533</u>	<u>5.013.494.517</u>	<u>928.341.650</u>	<u>406.003.381</u>	<u>80.560.185.685</u>
Carrying values						
Beginning balance	23.899.492.217	53.713.003.442	3.154.299.070	179.970.532	-	80.946.765.261
Ending balance	<u>23.010.340.828</u>	<u>55.151.152.597</u>	<u>2.437.057.813</u>	<u>149.322.493</u>	<u>(3.205.680)</u>	<u>80.744.668.051</u>
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

10. Intangible fixed assets

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

Intangible fixed assets will be presented in the audited annual financial statements.

11. Construction-in-progress

The expenses will be presented in the audited annual financial statements.

12. Deferred income tax assets

Deferred income tax assets will be presented in the annual financial statements.

13. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Hy Lac Textile Trading Production Import Export Company Limited	-	3.843.454.020
Nhu Man Trading Production Import Export Company Limited	5.401.857.537	3.173.151.506
Other suppliers	7.724.488.756	7.269.402.956
Total	<u>13.126.346.293</u>	<u>14.286.008.482</u>

The Corporation has no overdue trade payables.

14. Short-term advances from customers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton	14.328.320.303	
Tan Phu Land Company Limited	9.000.000.000	9.000.000.000
Other customers	1.520.960.885	855.844.489
Total	<u>24.849.281.188</u>	<u>9.855.844.489</u>

15. Taxes and other obligations to the State Budget

Taxes and other payables to the State will be aggregated and presented in the audited annual financial statements.

Land rental

Land rental is paid according to the notices of the tax department.

Other taxes

The Corporation has declared and paid these taxes in line with the prevailing regulations.

16. Payables to employees

This item reflects salary and bonus to be paid to employees.

17. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Interest expenses	1.625.671.384	1.401.424.754
Other short-term accrued expenses	7.918.068.821	6.312.271.574
Total	<u>9.543.740.205</u>	<u>7.713.696.328</u>

18. Other payables

Other payables.

19. Borrowings**19a. Short-term borrowings**

Short-term borrowings will be assessed and presented in the audited annual financial statements.

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)**19b. Long-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Long-term borrowing from Agribank - Trang Bom North Dong Nai Branch ⁽ⁱ⁾	-	16.000.000.000
Borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC ⁽ⁱⁱ⁾	64.887.420.000	62.855.460.000
Total	64.887.420.000	78.855.460.000

⁽ⁱ⁾ The long-term loan with the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Trang Bom Bac Dong Nai District Branch has been fully settled.

⁽ⁱⁱ⁾ The borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC is to meet the Corporation's capital needs for medical products and services under the business plan approved by the Board of Management. This borrowing is at the annual interest rate of 6-month USD LIBOR plus 5,8%/year. The borrowing term is 5 years. The borrowing amount is repaid according to the specific repayment schedule and the first repayment was made on 15 September 2023. This borrowing is secured by all rights, ownership and benefits of the Corporation incurred from the following properties regardless of whether they are or will be owned by the Corporation with the pre-tax purchase value recorded in the Contract and the actual payment in VND equivalent to USD 2,500,000.00 at the exchange rate ruling as at the disbursement date:

- All newly purchased properties and the rights, ownership, and benefits incurred to the newly purchased properties;
- All rights, ownership and benefits incurred under the Property Purchase Contract;
- Prepayment;
- All annually additional properties and all rights, ownership, and benefits incurred to these properties;
- All rights, benefits, compensation and other payments received or payable on behalf of, or in association with, or in relation to, and all properties of every nature and description given in exchange, in replacement of or in exchange for any of the above rights and properties.

As of the balance sheet date, this long-term borrowing is secured by:

- Mortgaging some machinery and equipment at the Manufacturing Factory located at B52-B54/1, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City (see Note No. V.9).
- Payment guarantees from Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company and Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited (see Note No. VII.1b).

The Corporation is solvent over long-term borrowings.

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
1 year or less	64.887.420.000	4.000.000.000
More than 1 year to 5 years	-	78.855.460.000
Total	64.887.420.000	82.855.460.000

19c. Overdue borrowings

The Corporation has no overdue borrowings.

20. Provisions for short-term payables

Provisions for short-term payables are related to provisions for severance allowance payable to employees.

21. Owner's equity

1558
3 TY
HÂN
H TUYỆ
5 CHI

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)**21a. Statement of changes in owner's equity**

Reconciliation of changes in equity will be presented in the Audited annual financial statements.

21b. Details of owner's capital

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited	39.892.790.000	39.892.790.000
Thanhcong Securities Company	9.338.000.000	9.338.000.000
Other shareholders	146.769.210.000	48.769.210.000
Total	<u>196.000.000.000</u>	<u>98.000.000.000</u>

21c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered to be issued	19.600.000	9.800.000
Number of shares sold to the public	19.600.000	9.800.000
- Common shares	19.600.000	9.800.000
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	19.600.000	9.800.000
- Common shares	19.600.000	9.800.000
- Preferred shares	-	-

Face value per outstanding share: VND 10.000.

22. Off-balance sheet items**Treated doubtful debts**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Other undefined advances, receivables	-	2.200.718.672
Undefined trade receivables	-	1.134.256.732
Receivables from other organizations and individuals	-	162.595.984
Total	<u>-</u>	<u>3.497.571.388</u>

The above-mentioned debts have been written off due to being irrecoverable.

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of goods and provisions of services**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sales of finished goods	309.087.248.076	248.291.970.121
Revenue from provisions of services	227.604.031	235.281.531

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total	<u>309.314.852.107</u>	<u>248.527.251.652</u>
2. Revenue deductions		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Trade discounts	20.814.820.161	17.075.078.714
Sales returns	3.166.670.446	1.960.877.059
Total	<u>23.981.490.607</u>	<u>19.035.955.773</u>
3. Costs of sales		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of finished goods sold	161.583.776.782	130.967.073.543
Total	<u>161.583.776.782</u>	<u>130.967.073.543</u>
4. Financial income		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Bank deposit interest	105.408.881	24.184.423
Loan interest	15.511.408.378	13.800.550.300
Gain from sale of securities	-	-
Dividends received	-	-
Exchange gain arising	-	5.040.000
Other financial income	-	-
Total	<u>15.616.817.259</u>	<u>13.829.774.723</u>
5. Financial expenses		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	10.859.319.518	11.354.886.887
Reversal of provisions for devaluation of trading securities and investment loss	-	-
Loss from sale of securities	-	-
Exchange loss arising	2.031.960.000	669.926.469
Exchange loss due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	5.265.000	2.769.960.000
Total	<u>12.896.544.518</u>	<u>14.794.773.356</u>
6. Selling expenses		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Expenses for employees	11.103.759.538	9.985.481.758
Marketing expenses	3.295.419.782	-
Tools, supplies	357.851.480	50.158.028
Depreciation/(amortization) of fixed assets	916.435.058	892.323.908
Expenses for external services	48.825.042.984	21.270.406.852
Sales support	2.995.620.044	13.386.258.224
Other expenses	7.416.803.465	3.690.432.740
Total	<u>74.910.932.351</u>	<u>49.275.061.510</u>
7. General and administration expenses		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Expenses for employees	20.282.715.102	S

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Office stationery	775.538.194	191.666.549
Depreciation/(amortization) of fixed assets	1.307.778.994	1.406.706.019
Tax, fees and legal fees	982.493.410	782.526.381
Allowance for doubtful debts	391.525.730	1.202.727.577
Expenses for external services	662.761.196	2.573.987.277
Other expenses	6.393.657.004	3.794.110.322
Total	<u>30.796.469.630</u>	<u>28.694.897.959</u>

8. Other income

Other income.

9. Other expenses

Other expenses.

10. Earnings per share

To be presented in the audited annual financial statements.

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with related parties**

The related parties of the Corporation include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Management and the Executive Board (the Board of Directors and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Corporation has no sales of goods and service provisions and no other transactions with the key managers and their related individuals.

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals

The Corporation has no receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

The remuneration of key management personnel and members of the Supervisory Board has not been recognised as at the reporting date.

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Corporation include:

Other related parties	Relationship
Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company	Ultimate Parent Company
Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited	Parent Company
Saigon 3 Garment Joint Stock Company	Subsidiary of Ultimate Parent Company
Saigon Leather Joint Stock Company	Subsidiary of Ultimate Parent Company
Saigon 3 Jean Co., Ltd.	Subsidiary of Saigon 3 Garment Joint Stock Company
Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company	Associate of Ultimate Parent Company
Thanhcong Securities Company	Subsidiary of Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited

BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City

COMBINED/CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of 2025 for the financial year ended 31 December 2025

Notes to the Financial Statements (cont.)

Other related parties	Relationship
Thanh Cong Asset Management Company Limited	Subsidiary of Thanhcong Securities Company
Thanh Cong Investment Fund	Subsidiary of Thanhcong Securities Company

Transactions with other related parties will be presented in the Audited annual financial statements.

Guarantee commitment

Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company and Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited have committed to provide absolute, unconditional, and irrevocable payment guarantees for the Corporation's long-term borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC

2. Segment information

Principal business activities of the Corporation are to manufacture and trade medical bandage, gauze, cotton, medical masks and cotton swab of all kinds and other products from cotton. The Corporation's products are not exposed to various categories of risks and are mainly consumed in Vietnam. Revenue from these products accounts for more than 99% of gross revenue.

Accordingly, the Board of Directors evaluates and believes that no segment reporting as a part of the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is in conformity with the Vietnamese Accounting Standard No. 28 "Segment reporting" and the Corporation's current business.

3. Subsequent events

There are no material subsequent events which are required adjustments or disclosures in the Financial Statements.



Thieu Thi Cam Tu
Chief Accountant/Preparer



Nguyen Khanh Linh
General Director

Ho Chi Minh City, 30 January 2026